

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 203/2024/DS-PT

Ngày 24 - 6- 2024

V/v: “Tranh chấp lời đi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân;

2. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/DS - PT ngày 27/3/2024 về việc: “Tranh chấp lời đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 02/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo và kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: TDP C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông T vắng mặt, bà T1 có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T2; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm T3; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T3: Ông Ngô Đình K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; địa chỉ: C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Công T2; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

- Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Năm 1989, bà Nguyễn Thị T1 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trường T4 diện tích đất tại thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đến ngày 08/6/1995 được UBND huyện K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 089662, thửa đất số: 28; tờ bản đồ số: 03a; diện tích 1540m². Lúc nhận chuyển nhượng thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía trước là rẫy của ông P, ở ngoài cùng là đất của ông Phạm T3, sau này ông P đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Phạm T3.

Từ nhà ông T, bà T1 ra đường xóm là một đường đi, chiều ngang mặt đường khoảng là 03m, chiều dài khoảng 50m, con đường có tứ cận như sau:

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Công T2; Hướng Bắc giáp đất của ông Phạm T3; Phía Đông giáp đất của bà T1; Phía Tây giáp đường liên xóm.

Ông P sử dụng con đường này để vào làm rẫy, còn bà T1 sử dụng con đường đi này để đi vào nhà bà T1, bà T1 chỉ đi trên con đường này khoảng chừng hai tháng thì không đi nữa, vì thời điểm năm 1989 thì bà T1 ở trong nhà ông Nguyễn Công T2, nên thường đi tắt qua vườn ông T2 để vào vườn bà T1 cho gần và thuận tiện.

Sau khi ông P chuyển nhượng diện tích đất rẫy cho ông Phạm T3, thì cuối năm 1989 ông Phạm T3 cuốc đường, trồng cây lên đường đi, sau đó rào và lấn chiếm luôn con đường này. Bà T1 có nói với ông T3 là ông đừng trồng cây và trả lại con đường cho bà T1 đi lại nhưng ông T3 vẫn không trả.

Sau khi lấy ông T, bà T1 đã nhiều lần qua nhà ông Phạm T3 yêu cầu trả lại đường đi, nhưng ông T3 không trả, tuy nhiên những lần này bà không mời chính quyền địa phương can thiệp.

Vừa qua, được biết ông Phạm T3 đang làm thủ tục chuyển nhượng diện tích đất cho người khác và bán luôn cả đường đi của gia đình ông T, bà T1. Việc ông Phạm T3 lấn chiếm đường đi của ông T, bà T1 là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà.

Nên vào ngày 10/4/2022, bà Nguyễn Thị T1 sang nhà ông Phạm T3 yêu cầu ông Phạm T3 trả lại đường đi, nhưng ông Phạm T3 không trả.

Ngày 15/4/2022, bà Nguyễn Thị T1 cùng em trai là Nguyễn Công T2 tiếp tục yêu cầu ông Phạm T3 trả lại đường đi, thì ông Phạm T3 thừa nhận trước đây có đường đi vào nhà bà T1, nhưng chiều ngang chỉ có 1,5m và ông Phạm T3 công nhận có một lối đi ngang qua vườn nhà ông đến đất nhà bà T1 và ông thống nhất trả lại 1,5m đường đi cho gia đình bà T1. Sau đó, ông T3 gọi chủ mới đến, chủ mới

cũng công nhận có một lối đi ngang qua vườn nhà ông, nhưng không trả lại vì ông đã mua toàn bộ diện tích đất của ông T3 mà khi bán ông T3 không nói có lối đi và ông T3 cũng không có ý kiến gì.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, bà T1 đã làm đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân xã B, huyện K yêu cầu ông Phạm T3 phải trả đường đi. Ngày 19/5/2022, Ủy ban nhân dân xã B, huyện K tiến hành hòa giải. Trong buổi hòa giải ông Phạm T3 đồng ý để lại diện tích đất chiều ngang 1,5m và dài 50,50m, đồng thời ông Nguyễn Công T2 hiến thêm 1,5m chiều ngang, dài 50,50m để mở đường đi vào diện tích đất của gia đình bà T1. Thế nhưng, ngày 23/5/2022 ông Phạm T3 làm đơn rút lại Biên bản hòa giải với nội dung không đồng ý giao diện tích đất nói trên để làm đường đi vào nhà bà T1.

Do vậy, bà T1, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm T3 phải trả đường đi cho bà T1, ông T có diện tích 150,9 m² theo kết quả trích đo địa chính thửa đất của đơn vị đo đạc Công ty TNHH Đ, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất của bà T1 cạnh dài 3 mét.

Phía Tây giáp đường liên xóm cạnh dài 3 mét.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Công T2 cạnh dài 49,88 mét.

Hướng Bắc giáp đất của ông Phạm Tạng c dài 50,68 mét.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phạm T3 trình bày:

Năm 1987, gia đình tôi nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn H, năm 1988 gia đình tôi nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Công P1, sau đó được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 098133 ngày 08/6/1995, thửa đất số 27 tờ bản đồ số 03A, diện tích 4.030 m², từ lúc nhận chuyển nhượng và ở trên thửa đất này đến nay đã hơn 35 năm không tranh chấp với ai.

Ngày 27/3/2022, gia đình tôi sang nhượng đất cho bà Nguyễn Thị T5 với giá 5.230.000.000 đồng, đã nhận cọc 1.450.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2022, đúng sau một tháng bà Nguyễn Thị T1 và ông La Văn T viết đơn kiện đòi đường, tố gia đình tôi lấn chiếm đường của bà T1 rộng 3 mét, dài 50,5 mét.

Ngày 19 và 22/5/2022, Ủy ban nhân dân xã B mời hòa giải, cả hai lần đã kết luận: Qua xem xét và kiểm tra thực địa không có đường đi, bản đồ giải thửa, bản đồ quy hoạch, bản đồ hiện trạng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ được cấp năm 1995 đều thể hiện không có con đường đi qua đất của gia đình tôi để đi vào đất của bà Nguyễn Thị T1, với nội dung trên chứng tỏ ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đã cố tình tạo cơ cho người mua có tranh chấp làm ảnh hưởng đến giao dịch mua bán.

Ông T, bà T1 đã gây ra thiệt hại lớn cho gia đình ông T3, phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tinh thần và kinh tế, xúc phạm danh dự, nhân phẩm cho gia đình ông T3 trong suốt thời gian qua và cho đến nay.

Sau khi vụ kiện này kết thúc thì ông T3 sẽ khởi kiện bà T1 bằng một vụ án khác để yêu cầu bồi thường, còn trong vụ án này ông đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1, ông T vì hoàn toàn không có con đường trên đất nhà ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Phạm T3, bà đồng ý với lời khai của ông T3 ngoài ra không có ý kiến bổ sung gì thêm. Nay do tuổi cao sức yếu đi lại khó khăn tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại toà án và xin vắng mặt tại phiên toà xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

Người làm chứng ông Lê Công P1 trình bày: Năm 1982 ông P1 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho một lô đất gia cư nằm giữa vườn nhà ông H1 và ông H tại thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, ông P1 đã trồng cây và hàng ngày vào đó để chăm sóc.

Năm 1987, ông H chuyển nhượng lô đất cho ông Phạm T3, năm 1988 ông chuyển nhượng lô vườn cho ông Phạm Tặng . Ông H1 cũng chuyển nhượng lại lô vườn của ông cho bà Nguyễn Thị T1.

Thời điểm ông sử dụng đã có lối đi để gia đình ông đi từ đường của xóm vào tới vườn. Lối đi đó sát vườn ông T3 trước khi vào vườn ông P1.

Nay do nhiều công việc, ông P1 không có mặt theo giấy mời của toà án được, ông P1 xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại toà án.

Người làm chứng ông Trần Quốc H2 trình bày: Năm 1983, ông H2 có mua đất của người đồng bào, người mua và người bán viết giấy tay có ký xác nhận, khi mua và sinh hoạt đã có con đường đi từ xóm vào nhà, phía trên giáp vườn ông T2, phía dưới vườn có hàng cây râm bụi. Đến năm 1986 ông H2 bán lại cho ông Nguyễn Trường T4, thửa đất này hiện nay là của bà T1. Ông H2 xin cam đoan lời khai đúng sự thật, hiện nay do nhiều công việc, sức khoẻ yếu, nên ông H2 xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, đề nghị Toà án miễn triệu tập.

Người làm chứng ông Nguyễn Trường T4 trình bày: Ông T4 là hàng xóm của bà Nguyễn Thị T1. Năm 1986, anh rể là ông Phạm Bá H3 có nhận chuyển nhượng giúp 01 mảnh vườn tại thôn D, xã B, huyện K, sau đó thì gia đình chuyển từ Hà Tĩnh vào sinh sống trên mảnh vườn này. Đến cuối năm 1988 thì ông chuyển nhượng đất lại cho bà Nguyễn Thị T1 để về quê sinh sống. Lúc chuyển nhượng thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, mảnh vườn này có một con đường đất rộng khoảng chừng 03 mét kéo dài từ ngoài đường xóm vào nhà ông T4 (là con đường mà hiện nay bà T1 đang khởi kiện yêu cầu ông Phạm T3 trả lại).

Tại thời điểm ông sử dụng mảnh vườn này thì chỉ có gia đình ông và ông P1 sử dụng con đường để đi vào đất rẫy. Nay do tuổi cao sức yếu và ở xa đi lại khó khăn, tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng T6 trình bày: Năm 1987, bà T6 vào sinh sống tại thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, lúc vào ở thì thấy có con đường từ ngoài xóm vào đất bà T1 hiện nay, còn con đường rộng bao nhiêu thì bà không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng L1 trình bày: Bà là em họ của bà Nguyễn Thị T1, vào năm 1986 bà hay vào nhà ông H2 chơi, bà thấy có con đường đi từ đường xóm vào đất ông H, qua đất ông P1 để vào nhà ông H2, con đường này rộng bao nhiêu bà không biết, nhưng xe bò đi lọt, đầu năm 1989 thấy bà T1 có đi trên con đường này và cuối năm 1989 không còn con đường này nữa.

Người làm chứng ông Lê Xuân K1 trình bày: Ông vào sinh sống tại thôn D, xã B từ năm 1987. Ông hay đi vào nhà ông T4 chơi, ông thấy có con đường trên đất ông T3, con đường này rộng khoảng 02 mét, xe ba gác đi vừa.

Người làm chứng bà Lê Thị H4 trình bày: Bà là chị gái của ông Nguyễn Trường T4 còn bà T1 và ông T3 là hàng xóm của bà, năm 1986 bà mua đất của ông H2 để cho ông T4 ở, lúc mua thì có con đường từ xóm vào, rộng bao nhiêu thì bà không biết, con đường này nằm trên đất ông T3 và sát với hàng bờ rào ông Nguyễn Công T2.

Người làm chứng ông Nguyễn Xuân T7 trình bày: Ông T7 vào sinh sống tại xã B từ năm 1985, khi vào nhà ông T4 chơi thì thấy có con đường rộng khoảng 2 mét, nằm phía bên đất ông T3, sau khi ông T4 bán đất thì ông T7 không tới nữa.

Người làm chứng ông Nguyễn Công T2 trình bày: Ông Nguyễn Công T2 là em trai của bà Nguyễn Thị T1, ông T2 vào sinh sống tại xóm C, thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1983. Ông biết được thửa đất bà T1 đang khởi kiện yêu cầu ông T3 mở con đường rộng 3 mét, dài hết vườn ông T3, con đường này có nguồn gốc trước đây của ông H2, sau khi ở một thời gian thì ông H2 chuyển cho ông Nguyễn Công H5, (ông H5 nhận chuyển nhượng giúp cho ông T4), ông T4 vào sinh sống một thời gian thì chuyển nhượng lại cho bà T1.

Tại thời điểm ông T4 chuyển nhượng cho bà T1 thì có 01 con đường đi rộng khoảng 03 mét, dài từ ngoài đường xóm vào đất bà T1 là con đường hiện nay bà T1 đang khởi kiện yêu cầu ông Phạm T3 trả lại.

Bà T1 là chị gái ông và ở cùng với ông nên bà T1 thường xuyên đi ngang qua đất nhà ông để vào đất bà T1 vì gần và thuận tiện hơn.

Sau khi ông T3 nhận chuyển nhượng đất của ông H và ông P1 do bà T1 chủ yếu đi tắt qua vườn nhà ông T2 để vào đất nhà bà T1, ít đi trên con đường này nên ông T3 đã rào lại con đường cho đến nay (ông T3 bắt đầu cuộc con đường lên và trồng khoai từ năm 1989), thấy ông T3 cuốc đường lên và trồng khoai từ và rào lại con đường bà T1 đã nhiều lần yêu cầu ông T3 mở lại con đường nhưng ông T3 không đồng ý và lần gần nhất là vào năm 2022 thì ông T2 đã cùng bà T1 có qua nhà ông Phạm T3 yêu cầu mở lại lối đi nhưng ông T3 không trả.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T1 cung cấp USB 4G có nội dung ghi âm: Tòa án lập biên bản làm việc, ông Phạm T3 thừa nhận nội dung ghi âm bà T1 cung cấp là đúng với diễn biến cuộc tranh cãi tại nhà ông T3, nội dung ghi âm này không bị cắt ghép, nên không yêu cầu giám định nội dung ghi âm. Sau khi nghe lại toàn bộ nội dung ghi âm, thì ông T3 cho rằng cuộc tranh cãi ông Phạm T3 có nói là có lỗi đi, có nghĩa là ông T4 trước đây có đi nhờ trên đất ông T3, chứ không phải lỗi đi của nhà nước. Nay bà T1 cung cấp nội dung ghi âm và đòi lỗi đi nhờ của ông T4 trên đất nhà ông T3 và cho rằng ông T3 lấn chiếm đất bà T1, yêu cầu trả lại là không đúng, ông T3 không đồng ý, vì lỗi đi nhờ trên đất nhà ông T3 không liên quan gì tới bà T1, ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 175, Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 về việc: Buộc ông Phạm T3 phải trả lỗi đi cho ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có diện tích theo kết quả trích đo địa chính thửa đất của đơn vị đo đạc Công ty TNHH Đ, diện tích 150,9 m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất của bà T1 cạnh dài 3 mét.

Phía Tây giáp đường liên xóm cạnh dài 3 mét.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Công T2 cạnh dài 49,88 mét.

Hướng Bắc giáp đất của ông Phạm Tặng c dài 50,68 mét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/2/2024, nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 15/02/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Cấp sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn là đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan, áp dụng quy định của pháp luật không đúng, xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông T2. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana và kháng nghị bổ sung kháng nghị với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa phần án phí theo hướng miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 vì khi xét xử sơ thẩm ông T, bà T1 là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phạm T3: ông Ngô Đình K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ
trình bày: Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 27, 28, tờ bản đồ số 03a, bản đồ giải thửa được phê duyệt vào năm 1995, Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, không thể hiện có lối đi qua đất ông T3 để vào đất của ông T, bà T1. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2023 thể hiện bà T1 đang sử dụng lối đi từ đất nhà ông T2 để vào đất bà T1. Qua lời khai của các đương sự và những người làm chứng có thể kết luận từ năm 1989 cho đến nay thì mặt hướng Nam ranh giới thửa đất số 27 của ông Phạm Tăng s với đất của ông Nguyễn Công T2 hoàn toàn không tồn tại lối đi.

Bà T1 không khởi kiện yêu cầu mở lối đi qua theo Điều 254 BLDS mà lại khởi kiện cho rằng ông T3 lấn chiếm và yêu cầu trả lại lối đi, căn cứ khoản 1 Điều 175 BLDS năm 2015 thì ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp, do đó phải tôn trọng duy trì ranh giới chung, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, bà T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, chấp nhận kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát làm trong hạn luật định và người kháng cáo đã được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 03a, diện tích 3.040m², được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 089662 ngày 08/6/1995 cho ông Phạm T3 có nguồn gốc: Năm 1987, ông Phạm T3 nhận chuyển nhượng của ông H. Năm 1988, ông Phạm T3 nhận chuyển nhượng của ông P1, thời điểm nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03a, diện tích 1540m², được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 089662 ngày 08/6/1995 cho ông La Văn T có nguồn gốc, năm 1989 bà Nguyễn Thị T1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trường T4, lúc nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, của bị đơn, của những người làm chứng và nội dung ghi âm do nguyên đơn cung cấp trong vụ án thể hiện, thời điểm trước năm 1989 trên thửa đất ông H và đất ông P1 (nay là đất ông T3) có một lối đi từ đường xóm vào để cho ông P1 đi làm rẫy và ông T4 đi vào nhà. Năm 1988, thì ông T3 đã nhận chuyển nhượng đất của ông P1. Cuối năm 1989 bà T1 nhận chuyển nhượng đất của ông T4. Lúc bà T1 nhận chuyển nhượng đất ông T4 thì có 01 lối đi từ ngoài đường xóm đi vào. Tuy nhiên, thời điểm này bà T1 ở trong nhà ông T2, thường xuyên đi tắt qua vườn nhà ông T2 để vào đất bà T1, ít đi lại trên con đường này. Do đó, cuối năm 1989 thì ông T3 đã cuốc con đường để trồng khoai môn và rào lại con đường, nhưng bà T1 không có ý kiến gì. Đến ngày 08/6/1995, Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 và ông T3.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 27, 28, tờ bản đồ số 03a và bản đồ giải thửa cũ nhất được phê duyệt vào năm 1995 thì mặt hướng Nam ranh giới thửa đất số 27 của ông Phạm Tạng s với đất của ông Nguyễn Công T8, không thể hiện có lối đi vào thửa đất số 28 tờ bản đồ số 03a của ông T, bà T1. Do đó, lời khai của các đương sự về việc lối đi không còn tồn tại sau năm 1989 là có căn cứ. Bên cạnh đó, sau khi được cấp GCN QSD đất thì bà T1 cũng không có ý kiến gì về việc không thể hiện có lối đi vào đất của mình. Do đó, được xem như bà T1 đồng ý với việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền không công nhận lối đi như bà T1 trình bày qua đất nhà ông T3.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2023 thể hiện: Mặt hướng Nam đất nhà ông T3 giáp với bờ rào lưới B40 của nhà ông Nguyễn Công T2, hoàn toàn không có lối đi. Còn hiện nay bà T1 đang sử dụng lối đi từ đất nhà ông T2 để vào đất bà T1.

Tại Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và Văn phòng đăng ký đất đai huyện K đều xác định, căn cứ vào tờ bản đồ giải thửa cũ nhất là bản đồ giải thửa năm 1995 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông La Văn T và ông Phạm T3 đều thể hiện không có lối đi nằm trên thửa đất của ông Phạm T3 để vào đất nhà bà T1, ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng đều khai trước năm 1989 có một lối đi từ ngoài đường xóm để đi vào đất rẫy ông P1 và vào vườn nhà bà T1, sau đó, ông P1 chuyển nhượng đất cho ông T3 đến năm 1989 thì không còn thấy lối đi này. Tuy nhiên, chỉ thấy có lối đi nhưng không xác định được lối đi rộng bao nhiêu và xác định đây là lối đi tự phát hay lối đi do nhà nước mở. Bà T1 cũng cho rằng trước năm 1989 thì có một lối đi vào nhà bà T1, nhưng bà T1 không biết rõ chiều rộng lối đi là bao nhiêu mét, sau khi nhận chuyển nhượng đất chỉ đi 02 – 03 tháng là không đi nữa. Do đó, bà T1, ông T lại yêu cầu ông T3 trả lại lối đi có chiều rộng là 03 mét, chiều dài hết đất ông T3 là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ khẳng định thửa đất số 27, tờ bản đồ số 03, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Phạm T3 vào ngày 08/6/1995, ranh giới mặt hướng Nam thửa đất ông T3 giáp với đất ông Nguyễn Công T2 và từ cuối năm 1989 đến năm 2022 (năm bắt đầu tranh chấp) đã không tồn tại lối đi trên thửa đất số 27 của ông Phạm T3 để vào thửa đất số 28 của ông T, bà T1. Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ranh giới này đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp, do đó phải tôn trọng duy trì ranh giới chung. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với nội dung cấp sơ thẩm áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự 2015 là áp dụng sai quy định pháp luật và không đưa ông T2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án Buộc ông Phạm T3 phải trả lối đi cho ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có diện tích theo kết quả trích đo địa chính thửa đất của đơn vị đo đạc Công ty TNHH Đ, diện tích 150,9 m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất của bà T1 cạnh dài 3 mét.

Phía Tây giáp đường liên xóm cạnh dài 3 mét.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Công T2 cạnh dài 49,88 mét.

Hướng Bắc giáp đất của ông Phạm Tạng c dài 50,68 mét.

Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp lối đi” được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, theo yêu cầu của ông T, bà T1 xác định lối đi đang tranh chấp là phần đất phía Nam của ông T3 giáp ranh với đất của ông Nguyễn Công T2 (em trai của nguyên đơn). Việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự 2015 để xác định ranh giới giữa các hộ có đất liền kề là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại khoản 4, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

“4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ ...”. Xét thấy, việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2. Do đó, ông Nguyễn Công T2 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của ông T2 là người làm chứng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, việc ông T2 đồng ý chừa ra 1,5 m đất giáp ranh đất của ông T3 để làm đường đi vào đất của bà T1 là sự tự nguyện của ông T2 và không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[2.3] Xét kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Tại phiên tòa sơ thẩm vào ngày 31/01/2024, ông T, bà T1 đã trên 60 tuổi là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1; chấp nhận một phần của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk – Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã có đơn xin miễn án phí. Xét thấy, nguyên đơn là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí. Do đó, HĐXX phúc thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

Bị đơn ông Phạm T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 175, Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

[3] **Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 về việc: Buộc ông Phạm T3 phải trả lời đi cho ông La Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có diện tích theo kết quả trích đo địa chính thửa đất của đơn vị đo đạc Công ty TNHH Đ, diện tích 150,9 m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất của bà T1 cạnh dài 03 mét.

Phía Tây giáp đường liên xóm cạnh dài 03 mét.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Công T2 cạnh dài 49,88 mét.

Hướng Bắc giáp đất của ông Phạm Tạng c dài 50,68 mét.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng do ông Mai Quốc Á nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/0015188 ngày 31/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông La Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Krông Ana;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết